

HIỆP ĐỊNH

GIỮA
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

VỀ
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia (sau đây gọi là các Bên ký kết);

Với tinh thần hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa hai nước và hai dân tộc;

Với lòng mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư của công dân của một Bên ký kết trên cơ sở bình đẳng, chủ quyền và cùng có lợi, và

Nhận thấy rằng Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư như vậy sẽ giúp cho việc thúc đẩy các hoạt động đầu tư ở cả hai nước;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "**Đầu tư**" có nghĩa là bất kỳ một tài sản nào được đầu tư bởi công dân của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và được chấp nhận phù hợp với luật pháp và các quy định của Bên đó, bao gồm nhưng không chỉ là:

a. Động sản và bất động sản cũng như các quyền khác như thế chấp, đặc quyền và bảo đảm và bất cứ quyền tương tự nào khác.

b. Các quyền từ cổ phần, trái phiếu hoặc bất cứ một dạng lợi ích nào khác của các công ty trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

c. Các khiếu nại liên quan đến cổ phần, trái phiếu hoặc bất cứ hoạt động nào có giá trị về mặt tài chính.

d. Quyền sở hữu trí tuệ, quy trình kỹ thuật, uy tín kinh doanh và bí quyết.

e. Tô nhượng thương mại có giá trị kinh tế theo luật hoặc theo hợp đồng liên quan đến đầu tư, bao gồm tô nhượng về tìm kiếm hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bất kỳ sự thay đổi về hình thức mà theo đó tài sản đầu tư không ảnh hưởng tới tính chất của khoản đầu tư, miễn là sự thay đổi đó phải được thông qua hoặc chấp nhận theo Điều 2 của Hiệp định này.

2. Thuật ngữ "**Công dân**" có nghĩa là:

(i) Thế nhân có quốc tịch của một Bên ký kết đó.

(ii) Pháp nhân được quy định theo luật của Bên ký kết đó.

3. Thuật ngữ "**Không chậm trễ**" có nghĩa là một khoảng thời gian đòi hỏi bình thường để hoàn thành các thủ tục cần thiết cho việc chuyển tiền.

4. Thuật ngữ "**Lãnh thổ**" có nghĩa là:

a. Đối với Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Tất cả các vùng đất (kể cả các đảo), vùng biển, khoáng không mà trên đó Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với luật quốc gia và luật quốc tế.

b. Đối với Vương quốc Campuchia: Lãnh thổ của Vương quốc Campuchia cũng như các vùng biển, kể cả đáy biển và các vùng phụ cận sát với giới hạn phía ngoài của lãnh hải mà trên đó Vương quốc Campuchia thực hiện theo luật pháp quốc tế, quyền chủ quyền hoặc quyền tài phán.

5. Thuật ngữ "**thu nhập**" có nghĩa là các khoản thu được từ đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định như là lãi, lợi nhuận, lợi tức, lợi tức cổ phần, tiền bản quyền, phí và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

6. Thuật ngữ "đồng tiền sử dụng tự do" có nghĩa là Đô la Mỹ, Bảng Anh, D.Mác Đức, Frăng Pháp, Yên Nhật hoặc bất cứ đồng tiền nào khác được sử dụng rộng rãi để thanh toán trong giao dịch quốc tế và được kinh doanh rộng rãi trên các thị trường trao đổi quốc tế chính.

ĐIỀU 2. KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân của Bên ký kết kia đầu tư vào lãnh thổ nước mình và chấp nhận khoản đầu tư đó phù hợp với Hiến pháp, luật pháp và các quy định của nước mình.

2. Đầu tư của công dân của mỗi Bên ký kết sẽ luôn luôn được hưởng sự đối xử công bằng, thoả đáng và sẽ được bảo hộ đầy đủ an ninh trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 3. CÁC QUY ĐỊNH TỐI HUỆ QUỐC

1. Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo đối xử công bằng và thoả đáng cho các đầu tư của công dân của Bên ký kết kia và không làm phương hại bằng các biện pháp không hợp lý hoặc phân biệt đối xử đối với các hoạt động, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc huỷ bỏ đầu tư của công dân đó. Mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư đó một sự bảo hộ và đảm bảo an toàn đầy đủ về vật chất.

2. Cụ thể hơn, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho đầu tư đó một sự đối xử trong mọi trường hợp sẽ không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của công dân bất kỳ nước thứ ba nào.

3. Nếu một Bên ký kết dành các ưu đãi đặc biệt cho công dân của bất kỳ nước thứ 3 nào, theo các Hiệp định đã ký kết và những Hiệp định trong tương lai về liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, liên minh tiền tệ hoặc những thể chế tương tự, thì Bên ký kết đó sẽ không có nghĩa vụ dành những ưu đãi như vậy cho công dân của Bên ký kết kia.

4. Quy định của Điều này sẽ không áp dụng cho các vấn đề về thuế quan trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết. Những vấn đề này như vậy sẽ được quy định bởi một hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai Bên ký kết và/hoặc luật pháp trong nước của mỗi Bên ký kết.

ĐIỀU 4. TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU

Mỗi Bên ký kết sẽ không áp dụng bất cứ biện pháp tước đoạt, quốc hữu hoá hoặc bất cứ một sự tước quyền sở hữu nào có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu đối với khoản đầu tư của công dân của Bên ký kết kia, trừ khi có những điều kiện sau:

a. Các biện pháp được đưa ra vì mục đích hợp pháp, vì mục đích công cộng và theo thủ tục của luật hiện hành.

b. Các biện pháp không có sự phân biệt đối xử.

c. Các biện pháp kèm theo bởi các điều khoản cho việc thanh toán không chậm trễ và sự bồi thường có hiệu quả và đầy đủ. Các khoản bồi thường đó phải tương xứng với giá thị trường hợp lý của khoản đầu tư này ngay trước khi các biện pháp tước đoạt được phổ biến rộng rãi. Giá thị trường như vậy sẽ được xác định theo thông lệ và các biện pháp quốc tế đã được thừa nhận hoặc khi giá trị thị trường hợp lý như vậy không thể xác định, nó sẽ là một khoản hợp lý có thể do hai Bên ký kết cùng thoả thuận và khoản trả bồi thường đó sẽ được chuyển một cách tự do bằng đồng tiền sử dụng tự do của Bên ký kết.

ĐIỀU 5. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

1. Công dân của một Bên ký kết mà đầu tư của họ trên lãnh thổ Bên ký kết kia nếu bị thiệt hại do chiến tranh hoặc các xung đột vũ trang khác, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo động, nổi dậy hay nổi loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được Bên ký kết đó đối xử như phục hồi, bồi thường, bồi hoàn hoặc các giải pháp khác.

2. Sự đối xử sẽ không kém thuận lợi hơn mà Bên ký kết kia dành cho công dân của nước mình hoặc công dân của bất kỳ nước thứ 3 nào, bất kỳ sự đối xử nào là thuận lợi hơn cho các công dân liên quan.

ĐIỀU 6. CHUYỂN RA NƯỚC NGOÀI

1. Mỗi Bên ký kết, trên cơ sở pháp luật và quy định của mình cho phép công dân của Bên ký kết kia chuyển tự do các khoản đầu tư ra

nước ngoài không chậm trễ vô căn cứ. Sự chuyển như vậy sẽ bao gồm, cụ thể nhưng không chỉ là:

- a. Lãi lợi nhuận, lợi tức cổ phần và những thu nhập khác từ đầu tư.
- b. Các khoản vốn cần thiết:
 - (i) Để mua nguyên liệu phụ hoặc nguyên liệu thô, bán sản phẩm hoặc thành phẩm, hoặc
 - (ii) Để thay thế các tài sản đầu tư nhằm bảo đảm sự tiếp tục của đầu tư.
- c. Các khoản vốn bổ sung cần thiết để phát triển đầu tư.
- d. Các khoản vốn chi trả các khoản vay liên quan đến đầu tư đã được chấp nhận.
- e. Tiền bản quyền hoặc các phí.
- f. Các khoản thu nhập của các thể nhân.
- g. Các khoản thu từ việc bán, thanh lý đầu tư.
- h. Các khoản bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 5.
- i. Các khoản bồi thường do tước quyền sở hữu theo quy định tại Điều 4.

2. Bất cứ việc chuyển nào theo Hiệp định này sẽ được thực hiện bằng đồng tiền sử dụng tự do.

Tỷ giá áp dụng cho việc chuyển nêu tại khoản 1 của Điều này sẽ là tỷ giá hiện hành vào thời điểm chuyển.

ĐIỀU 7. THẾ QUYỀN

Trong trường hợp một Bên ký kết có bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào hoặc hợp đồng bảo đảm về rủi ro phi thương mại đối với đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã thực hiện thanh toán cho nhà đầu tư đó theo bảo đảm, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận chuyển giao các quyền kinh tế của nhà đầu tư của Bên ký kết đó. Sự thế quyền sẽ giúp cho một Bên ký kết nhận được thanh toán bồi

thường mà nhà đầu tư được phép nhận. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết bao hàm sự công nhận về phía của Bên ký kết kia về giá trị trong bất cứ trường hợp nào hoặc khoản tiền của bất cứ khiếu nại nào phát sinh từ đó.

Đối với quyền sở hữu hoặc bất cứ quyền nào khác từ quyền sở hữu đầu tư, thì sự thế quyền sẽ được tiến hành sau khi đã đáp ứng các yêu cầu pháp lý về đầu tư của nước chủ nhà.

ĐIỀU 8.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÔNG DÂN VÀ BÊN KÝ KẾT

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa một Bên ký kết và công dân của Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư của nhà đầu tư này trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được hoà giải thông qua tham vấn và đàm phán.

2. Nếu tranh chấp đó không thể giải quyết được trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Bên yêu cầu hoà giải thông báo cho Bên kia bằng văn bản, thì theo đề nghị của công dân liên quan, vụ tranh chấp đó sẽ được đưa ra theo thủ tục xét xử được quy định bởi Bên ký kết liên quan, hoặc đưa ra trọng tài hoặc hoà giải quốc tế.

3. Trong trường hợp tranh chấp đưa ra trọng tài hoặc hoà giải, công dân có quyền đưa tranh chấp ra:

(a) Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp đầu tư theo Công ước về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và các công dân của các quốc gia khác, được mở ký tại Washington D.C ngày 18/3/1965, trong trường hợp hai Bên ký kết là thành viên của Công ước; hoặc

(b) Trọng tài ad hoc được thành lập theo các quy định trọng tài của Ủy ban về Luật thương mại quốc tế Liên hợp quốc (UNCITRAL). Phán quyết của trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với hai bên tranh chấp.

4. Không một Bên ký kết nào sẽ tiếp tục thông qua con đường ngoại giao can thiệp vào bất cứ một vấn đề gì đối với trọng tài cho đến khi kết thúc vụ tố tụng hoặc một Bên ký kết không thực hiện theo đúng hoặc không tuân thủ phán quyết của trọng tài.

ĐIỀU 9.

GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Các tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

2. Nếu các tranh chấp giữa các Bên ký kết không được giải quyết thì theo yêu cầu của bất cứ Bên nào, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra một toà trọng tài.

3. Một toà trọng tài như vậy sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách sau đây. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu về trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của toà trọng tài. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của nước thứ ba, nước có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên ký kết và công dân này theo sự chuẩn ý của hai Bên ký kết sẽ được chỉ định là Chủ tịch hội đồng trọng tài. Vị Chủ tịch này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày chỉ định hai thành viên kia.

4. Nếu trong khoảng thời gian được nêu tại khoản 3 của Điều này mà việc chỉ định cũng không thực hiện được thì một Bên ký kết, có thể, trường hợp không có một thoả thuận nào khác, mời Chủ tịch Toà án quốc tế để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu vị Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một lý do cản trở nào khác không thực hiện được chức năng trên thì Phó Chủ tịch sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu vị Phó Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một cản trở nào khác không thực hiện được chức năng trên thì sẽ mời một thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án quốc tế, người mà không là công dân của một trong hai Bên ký kết để tiến hành sự chỉ định cần thiết.

5. Toà trọng tài sẽ quyết định thủ tục riêng của mình và sẽ quyết định bằng biểu quyết đa số. Quyết định này sẽ bắt buộc cho cả hai Bên ký kết.

6. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho các thành viên của mình trong toà trọng tài và việc đại diện của mình trong quá trình tố tụng; chi phí của Chủ tịch và các chi phí còn lại sẽ được chia đều cho các Bên ký kết. Tuy nhiên, trong quyết định của mình, Trọng tài có thể nêu ra việc một trong hai Bên ký kết có thể chịu chi phí cao hơn, và phán quyết của Trọng tài sẽ bắt buộc cho cả hai Bên ký kết.

**ĐIỀU 10.
VIỆC ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH NÀY**

Hiệp định này sẽ áp dụng cho các đầu tư đã được thực hiện và được chấp nhận trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết phù hợp với pháp luật và quy định của mỗi Bên ký kết liên quan đến đầu tư nước ngoài hoặc bất cứ luật sửa đổi hoặc thay thế nó, nhưng sẽ không áp dụng đối với bất kỳ sự tranh chấp, khiếu nại nào hoặc sự khác biệt nảy sinh trước khi Hiệp định có hiệu lực.

**ĐIỀU 11.
ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Nếu các quy định của luật của một trong hai Bên ký kết hoặc các quy định của luật quốc tế hiện hành hoặc được thành lập sau đó giữa các Bên ký kết bổ sung vào Hiệp định này, có một quy định, dù là chung hay cụ thể, dành cho các đầu tư của công dân của Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn so với Hiệp định này thì quy định đó sẽ được áp dụng.

**ĐIỀU 12.
TRAO ĐỔI Ý KIẾN VÀ SỬA ĐỔI**

1. Một trong hai Bên ký kết có thể yêu cầu tiến hành trao đổi ý kiến về bất cứ vấn đề nào liên quan đến Hiệp định này. Bên ký kết kia sẽ xem xét tích cực đề nghị này và sẽ tạo cơ hội đầy đủ cho việc trao đổi ý kiến này.

2. Hiệp định này có thể sửa đổi bất cứ lúc nào, nếu thật sự cần thiết, theo sự nhất trí của cả hai Bên ký kết.

**ĐIỀU 13.
HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo sau ngày thông báo cuối cùng bằng văn bản của hai Bên ký kết thông qua con đường ngoại giao rằng các yêu cầu pháp lý trong nước của mỗi Bên ký kết để Hiệp định có hiệu lực đã hoàn thành.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian 10 năm. Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi một trong hai Bên ký kết thông

báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia ý định chấm dứt Hiệp định này. Việc thông báo chấm dứt Hiệp định sẽ có hiệu lực một năm sau ngày thông báo.

3. Đối với các đầu tư được thực hiện trước ngày việc thông báo chấm dứt Hiệp định có hiệu lực, thì những quy định từ Điều 1 đến Điều 12 sẽ tiếp tục có hiệu lực thêm 10 năm kể từ ngày chấm dứt Hiệp định này.

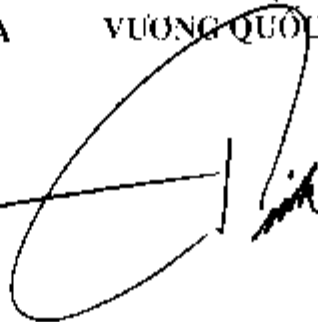
Những người có tên dưới đây được Chính phủ của các Bên ký kết uỷ quyền, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm tại Phnom Penh ngày **26** tháng **11** năm 2001, bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



THAY MẶT CHÍNH PHỦ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA



AGREEMENT

BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA
CONCERNING THE PROMOTION AND PROTECTION OF
INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Cambodia (hereinafter referred to as "Contracting Parties"):

Bearing in mind the friendly and cooperative relations existing between the two countries and their peoples;

Intending to create favourable conditions for investments by nationals of one Contracting Party on the basis of sovereign equality and mutual benefit, and

Recognizing that the Agreement on the Promotion and Protection of such Investments will be conducive to the stimulation of investment activities in both countries;

Have agreed as follows:

ARTICLE I DEFINITIONS

For the purpose of this Agreement:

1. The term "**investment**" shall mean any kind of asset invested by nationals of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party and admitted, in conformity with the laws and regulations of the latter, including, but not exclusiveiv:





- a. movable and immovable property as well as other rights such as mortgages, privileges, and guarantees and any other similar rights;
- b. rights derived from shares, bonds or any other form of interest in companies in the territory of the other Contracting Party;
- c. claims derived from shares, bonds or any performance having a financial value;
- d. intellectual property rights, technical processes, goodwill and know-how;
- e. business concessions having an economic value conferred by law or under contract related to investment including concessions to search for or exploit natural resources.

Any alteration of the form in which assets are invested shall not affect their character as an investment, provided that such alteration has also been approved or admitted under Article II.

2. The term "**national**" shall mean
 - (i) natural persons having the nationality of that Contracting Party;
 - (ii) legal persons constituted under the law of that Contracting Party.
3. The term "**without delay**" shall mean such period as is normally required for the completion of the necessary formalities for the transfer of payment.
4. "**Territory**" shall mean:
 - a. In respect of the Socialist Republic of Vietnam, all land territory (including islands), territorial sea and airspace above, over which the Socialist Republic of Vietnam has sovereignty, the right of sovereignty and jurisdiction in accordance with the national and international law.

- b. In respect of the Kingdom of Cambodia: the territory of the Kingdom of Cambodia, as well as those maritime areas, including the seabed and subsoil adjacent to the outer limit of territorial sea over which the Kingdom of Cambodia exercise in accordance with international law, sovereign rights or jurisdiction;
5. The term "**returns**" shall mean the amounts yielded by an investment for a definite period of time as profits, interest, capital gains, dividends, royalties, fees and other legitimate returns.
6. The term "**Freely usable currency**" means the United States Dollar, Pound Sterling, Deutschmark, French Franc, Japanese Yen or any currency that is widely used to make payments for international transactions and widely traded in the international principal exchange markets.

ARTICLE II PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

1. Either Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for nationals of the other Contracting Party to invest in its territory, and shall admit such investment in accordance with its Constitution, laws and regulations.
2. Investments of nationals of either Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy adequate protection and security in the territory of the other Contracting Party.

ARTICLE III MOST-FAVoured-NATION PROVISIONS

1. Each Contracting Party shall ensure fair and equitable treatment of the investments of nationals of the other Contracting Party and shall not impair, by unreasonable or discriminatory measures, the operation, management, maintenance, use, enjoyment or disposal thereof by those nationals. Each Contracting Party shall accord to such investment adequate physical security and protection.

h-k

h

2. More particularly, each Contracting Party shall accord to such investments treatment which in any case shall not be less favourable than that accorded to investments of nationals of any third state.
3. If a Contracting Party has accorded special advantages to nationals of any third state by virtue of existing or future agreements establishing customs unions, economic unions, monetary unions or similar institutions, that Contracting Party shall not be obliged to accord such advantages to nationals of the other Contracting Party.
4. The provision of this Article shall not apply to matters of taxation in the territory of either Contracting Party. Such matters shall be governed by an Avoidance of Double Taxation Treaty between the two Contracting Parties and/or the domestic laws of each Contracting Party.

ARTICLE IV EXPROPRIATION

Each Contracting Party shall not take any measures of expropriation, nationalization, or any other dispossession, having effect equivalent to nationalization or expropriation against the investments of a national of the other Contracting Party except under the following conditions:

- a. the measures are taken for a lawful purpose, for public interest and under due process of law;
- b. the measures are non discriminatory;
- c. the measures are accompanied by provisions for the payment of prompt, adequate and effective compensation. Such compensation shall amount to the fair market value of the investments affected immediately before the measures of expropriation became a public knowledge. Such market value shall be determined in accordance with internationally acknowledged practices and methods or, where such fair market value cannot be determined, it shall be such reasonable amount as may be mutually agreed between the

Contracting Parties hereto, and it shall be freely transferable in freely usable currencies from the Contracting Party.

ARTICLE V COMPENSATION FOR LOSSES

1. Nationals of one Contracting Party, whose investments in the territory of the other Contracting Party suffer losses owing to war or other armed conflict, revolution, a state of national emergency, revolt, insurrection or riot in the territory of the latter Contracting Party, shall be accorded by the latter Contracting Party treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement.
2. The treatment shall not be less favourable than that which the latter Contracting Party accords to its own nationals or nationals of any third State, whichever is more favourable to the nationals concerned.

ARTICLE VI TRANSFERS

1. Each Contracting Party shall, subject to its laws and regulations, allow without unreasonable delay the free transfer of investments made by nationals of the other Contracting Party. Such transfer shall include, in particular, though not exclusively:
 - a. profits, interests, dividends and other current income accruing from investments;
 - b. funds necessary:
 - (i) for the acquisition of raw or auxiliary materials, semi-fabricated or finished products; or
 - (ii) to replace capital assets in order to safeguard the continuity of an investment;
 - c. additional funds necessary for the development of an investment;

HA

h

- d. funds in repayment of loans related to the admitted investments;
 - e. royalties or fees;
 - f. earnings of natural persons;
 - g. proceeds accruing from sale or liquidation of the investment;
 - h. compensation for losses pursuant to Article 5;
 - i. compensation for expropriation pursuant to Article 4;
2. Any transfer under this Agreement shall be made in freely usable currencies.
The exchange rate applicable to such transfer in the paragraph 1 of this Article shall be the rate of exchange prevailing at the time of remittance.

ARTICLE VII SUBROGATION

In case one Contracting Party has granted any insurance or guarantee agreement against non-commercial risks in respect of an investment made by its own investors in the territory of the other Party and has made payments to such investors under the guarantee, the other Party shall recognize the transfer of the economic rights of the investors to said Contracting Party. The subrogation will make it possible for one Contracting Party to receive payments for compensation that the investor would have been entitled to. This does not necessarily imply, however, a recognition on the part of the other Contracting Party of the merits of any case or the amount of any claim arising therefrom.

In respect of property rights or any other rights derived from ownership of the investment, subrogation will take place after the legal requirements of the investments of the host Party of the investment have been met.

Handwritten signature

Handwritten signature

ARTICLE VIII
SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN
A NATIONAL AND A CONTRACTING PARTY

1. Any dispute between a Contracting Party and a national of the other Contracting Party, concerning an investment of the latter in the territory of the former, shall be settled amicably through consultations and negotiations.
2. If such a dispute cannot be settled within a period of six months from the date of the written notification by either Party who requested amicable settlement, the dispute shall, at the request of the national concerned, be submitted either to the judicial procedures provided by the Contracting Party concerned or to international arbitration or conciliation.
3. In case the dispute is submitted to arbitration or conciliation the national shall be entitled to refer the dispute to:
 - (a) The International Center for the Settlement of Investment Disputes under the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States, opened for signature at Washington D.C. on 18 March 1965, in case both Contracting Parties have become the Parties to the Convention; or
 - (b) An ad hoc tribunal to be established under the arbitration rules of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL). An arbitral award shall be final and binding on both parties to the dispute.
4. Neither Contracting Party shall pursue through diplomatic channels any matter referred to arbitration until the proceedings have terminated or a Contracting Party has failed to abide by or comply with the award rendered by an arbitral tribunal.

ARTICLE IX
SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN THE CONTRACTING PARTIES

1. Disputes between the Contracting Parties concerning the interpretation or application of this Agreement should, if possible, be settled through diplomatic channels.
2. If disputes between the Contracting Parties cannot thus be settled, it shall, upon the request of either Contracting Party be submitted to an arbitral tribunal.
3. Such an arbitral tribunal shall be constituted for each individual case in the following way. Within two months of receipt of the request for arbitration, each Contracting Party shall appoint one member of the tribunal. Those two members shall then select a national of a third State which has diplomatic relations with both Contracting Parties and who on approval by the Contracting Parties shall be appointed Chairman of the Tribunal. The Chairman shall be appointed within two months from the date of appointment of the other two members.
4. If within the period specified in paragraph 3 of this Article the necessary appointments have not been made, either Contracting Party may, in the absence of any other Agreement, invite the President of the International Court of Justice to make any necessary appointment. If the President is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President shall be invited to make a necessary appointment. If the Vice-President is a national of either Contracting Party or he too is prevented from discharging the said function, the member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.
5. The arbitral tribunal shall determine its own procedure and shall reach its decision by a majority of votes. Such decision shall be binding on both Contracting Parties.
6. Each Contracting Party shall bear the cost of its own member of the Tribunal and of its representation in an arbitral proceeding; the cost

hh

h

of the Chairman and the remaining costs shall be borne in equal parts by the Contracting Parties. The Tribunal may, however, in its decision direct that a higher proportion of costs shall be borne by one of the two Contracting Parties, and its award shall be binding on both Contracting Parties.

ARTICLE X **APPLICABILITY OF THIS AGREEMENT**

This Agreement shall apply to investments made and admitted in the territory of either Contracting Party in accordance with its laws and regulations concerning foreign investment or any law amending or replacing it, but shall not apply to any dispute, claim or difference which arose before its entry into force.

ARTICLE XI **APPLICATION OF OTHER PROVISIONS**

If the provisions of law of either Contracting Party or obligations under international law existing at present or established hereafter between the Contracting Parties in addition to the present Agreement contain a regulation, whether general or specific, entitling investments by nationals of the other Contracting Party to a treatment more favourable than is provided for by the present Agreement, such regulation shall to the extent that it is more favourable prevail over the present Agreement.

ARTICLE XII **CONSULTATION AND AMENDMENT**

1. Either Contracting Party may request that consultations be held on any matter concerning this Agreement. The other Party shall accord sympathetic consideration to the proposal and shall afford adequate opportunity for such consultations.
2. This Agreement may be amended at any time, if deemed necessary, by mutual consent of both Contracting Parties.

ARTICLE XIII
ENTRY INTO FORCE, DURATION AND TERMINATION

1. This Agreement shall enter into force on the first day of the following month after the date of the later notification by the Contracting Parties in writing, through diplomatic channels, that their internal legal requirements for the entry into force of the Agreement have been complied with.
2. This Agreement shall remain in force for a period of ten (10) years. It shall remain in force thereafter until either Contracting Party notifies the other Contracting Party in writing of the intention to terminate this Agreement. The notice of the termination shall become effective one year after the date of notification.
3. In respect of investments made prior to the date when the notice of termination of this Agreement becomes effective, the provisions of Articles I to XII shall remain in force for a further period of ten (10) years from the date of termination of the present Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

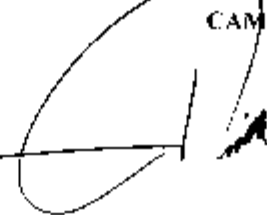
Done in duplicate at Phnom Penh, on 26th November, 2001, in Vietnamese, Khmer and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation the English texts shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT
OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM



LAI QUANG THUC
Vice Minister of Planning and
Investment

FOR THE GOVERNMENT -
OF THE KINGDOM OF
CAMBODIA



កិច្ចព្រមព្រៀង

រវាង

រដ្ឋាភិបាល នៃ សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមកម្ពុជា

និង

រដ្ឋាភិបាល នៃ ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

ស្តីពី

ការជំរុញ និង ការការពារវិនិយោគ

២០២០-២០២២

រដ្ឋាភិបាល នៃ សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមកម្ពុជា និង រដ្ឋាភិបាល នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
[ចាប់ពីពេលនេះតទៅហៅថា “**ភាគីជាប់កិច្ចសន្យា**”]

ក្នុងស្មារតីបង្កើននូវ ទំនាក់ទំនងមិត្តភាព និង សហប្រតិបត្តិការដែលមានស្រាប់ រវាងប្រទេស និង
ប្រជាជនទាំងពីរ

ដោយបានដោសបំពេញបង្កើតនូវសក្ខីភាពអនុគ្រោះជំរុញដល់ការវិនិយោគ ដែលធ្វើឡើងដោយរាជធានី
របស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមួយ ឈរលើមូលដ្ឋានអធិបតេយ្យភាព ស្មើភាព និងមានផលប្រយោជន៍ទៅវិញទៅ
មក និង

ដោយទទួលស្គាល់ថាកិច្ចព្រមព្រៀង ស្តីពី ការជំរុញ និង ការការពារវិនិយោគនេះ នឹងជំរុញអោយមាន
ការកើនឡើងនូវសកម្មភាពផ្នែកវិនិយោគនៅក្នុងប្រទេសទាំងពីរ

ភាគីទាំងពីរបានព្រមព្រៀងថាខ្លួនគេ :

មាត្រា ១

និយមន័យ

នៅលើការពន្យល់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ :

១. ពាក្យ " ចំណីឈាម " គឺសំដៅទៅលើរាល់ទ្រព្យសម្បត្តិ ដែលបានដាក់សំរាប់វិនិយោគ ដោយជនជាតិ ខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមួយនៅលើទឹកដី ខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត និង បានមមូលស្គាល់ ដោយអនុលោមទៅតាម ច្បាប់ និង បទបញ្ញត្តិសាធារណៈរាជរដ្ឋាភិបាលកិច្ចសន្យាក្រោយនេះដែលក្នុងនោះ រួមមានទ្រព្យសម្បត្តិដូចខាងក្រោម តែមិនកំណត់ទាំងស្រុងត្រឹមទ្រព្យសម្បត្តិទាំងនេះឡើយនូវ៖

- ក- ធនធានទ្រព្យ និង រចនាសម្ព័ន្ធទ្រព្យ ព្រមទាំងសិទ្ធិកាន់កាប់ដីខ្សែតម្លៃដូចជា ការបញ្ចាំ បុព្វសិទ្ធិ និង រាល់ការធានា ព្រមទាំងសិទ្ធិដីខ្សែតម្លៃ ដែលមានលក្ខណៈប្រហាក់ប្រហែល ។
- ខ- សិទ្ធិជាភាគហ៊ុន ប័ណ្ណធានា ឬ ផលប្រយោជន៍ផ្សេងទៀត នៅក្នុងក្រុមហ៊ុន នៅលើទឹកដីខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ។
- គ- ការភក់ពាក់ព័ន្ធករណីភាគហ៊ុន-ប័ណ្ណធានា ឬ ប្រតិបត្តិការណាមួយ ដែលមានតំលៃ ហិរញ្ញវត្ថុ ។
- ឃ- កម្មសិទ្ធិបញ្ញា ក្បួនខ្នាតបច្ចេកវិទ្យា គិត្តិយាមជំនួញ និង ស្នាដៃយល់ដឹង ។
- ង- សម្បទានចុះកិច្ច មានតំលៃលេចកិច្ចដែលមមូលស្គាល់ដោយច្បាប់ ឬ តាមកិច្ចសន្យា ដែលទាក់ទងនឹងការវិនិយោគ ដោយរួមទាំងសម្បទានសំរាប់ការស្រាវជ្រាវ ឬ ការធ្វើអាជីវកម្មលើធនធានធម្មជាតិ ។

ការប្តូរទ្រព្យសម្បត្តិខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត មិនអាចផ្ទេរទៅលើទឹកដីខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យា ដែលបានផ្តល់ជូនឡើយ ក្នុងពេលដែលការប្តូរទ្រព្យសម្បត្តិខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ត្រូវបានឯកភាព និង ទទួលស្គាល់ក្រោម មាត្រា ២ ខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀតនេះ ។

២- ពាក្យ " ធនធាន " មានន័យថា

- (i) រូបវន្តបុគ្គលដែលមានសញ្ជាតិ របស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យា
- (ii) មីតិបុគ្គលដែលបង្កើតឡើងដោយច្បាប់ខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យា ។

៣- ពាក្យ " គ្មានការស្នូលពេល " មានន័យថា គឺជារយៈពេល ដែលជាធម្មតាត្រូវការ សំរាប់បំពេញ ខែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ដើម្បីផ្ទេរប្រាក់ ។

៤- " ឆឹកដី " មានន័យថា :

ក- ចំពោះព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ទឹកដីនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ដែលមានទំហំតំបន់សមុទ្រ រាប់បញ្ចូលទាំងធាតុ សមុទ្រ និង ស្រទាប់ដីក្រោមធាតុសមុទ្រ ដែលជាប់នឹងព្រំដែនខាងក្រៅ មិនមែនសមុទ្រ ហើយដែលព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជាមានសិទ្ធិ គ្រប់គ្រងអធិបតេយ្យភាព និង កាតព្វកិច្ចគ្រប់គ្រងតាមផ្លូវច្បាប់ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់អន្តរជាតិ ។

ខ- ចំពោះសាធារណៈរដ្ឋ សង្គមនិយម វៀតណាម រាល់ទឹកដីគោត (រាប់បញ្ចូលកោះ) ទឹកដីសមុទ្រ និង ដែនអាកាសខាងលើ ហើយដែល សាធារណៈរដ្ឋ សង្គមនិយម វៀតណាម មានសិទ្ធិ គ្រប់ គ្រងអធិបតេយ្យភាព និង កាតព្វកិច្ចគ្រប់គ្រងតាមផ្លូវច្បាប់ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ អន្តរជាតិ ។

៥- " ទិន្នន័យ " ត្រូវមានន័យថា :

ចំណូលបានមកពីការវិនិយោគ ក្នុងរយៈពេលមួយកំណត់ ដូចជា ប្រាក់ចំណេញ ការប្រាក់ ផលកំរៃ មិនទុន ប្រាក់ចំណេញនៃភាគហ៊ុន កំរៃឆ្នេរ និង កំរៃផ្សេងៗទៀតដែលបានដោយស្របច្បាប់ ។

៦- " រូបិយប័ណ្ណប្រើប្រាស់ដោយសេរី " មានន័យថា :

ជាដុល្លារសហរដ្ឋអាមេរិក - តោនស្កូតលីង - ឌីនម៉ាត - ប្រាក់បារាំង - លេដជប៉ុន ឬ រូបិយប័ណ្ណផ្សេងៗទៀត ដែលប្រើប្រាស់ ជាទូលាយក្នុងការទូទាត់អន្តរជាតិ និងដែលធ្វើអាជីវកម្ម ជាទូលាយ នៅលើទីផ្សារប្រាក់អន្តរជាតិសំខាន់ៗ ។

មាត្រា ២

ការជំរុញ និង ការការពារវិនិយោគ

១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាគឺមួយៗត្រូវលើកទឹកចិត្តនិងបង្កើតលក្ខណៈអនុគ្រោះដល់ជនជាតិ ខែភាគីជាប់កិច្ច សន្យាម្ខាងទៀត ក្នុងការធ្វើវិនិយោគក្នុងទឹកដីរបស់ខ្លួន ហើយទទួលស្គាល់ការវិនិយោគនោះ ដោយអនុលោមតាមរដ្ឋធម្មនុញ្ញ ច្បាប់ និង បទបញ្ញត្តិរបស់ខ្លួន ។

- ២- រាល់ការធ្វើវិនិយោគដែលធ្វើឡើងដោយជនជាតិ នៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ ត្រូវទទួលបាន នូវប្រព្រឹត្តកម្ម ដោយយុត្តិធម៌ និង សមភាព គ្រប់ពេលវេលា ហើយត្រូវទទួលបាននូវការការពារនិងសន្តិសុខ ពេញលេញ នៅក្នុងទឹកដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ។

មាត្រា ៣

បទដ្ឋានការសម្របសម្រួលជាតិទទួលបានការអនុវត្តជាជោគជ័យ

- ១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗ ត្រូវធានាផ្តល់នូវប្រព្រឹត្តកម្មដោយយុត្តិធម៌ និង សមភាព លើការធ្វើវិនិយោគរបស់ជនជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត និង មិនធ្វើអោយខូចប្រយោជន៍ដោយវិធានការមិនសមហេតុផល ឬបរិសេស ចំពោះប្រតិបត្តិការ ការគ្រប់គ្រង ការផែនការ ការប្រើប្រាស់ការទទួលបាន ឬ ការចាត់ចែង វិនិយោគ របស់ជនជាតិទាំងនោះទេ ។ ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗ នឹងផ្តល់ដល់ការវិនិយោគនោះនូវការការពារសន្តិសុខ លើរាងកាយយ៉ាងពេញលេញ ។
- ២- ជាប្រការទាំងនោះ ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗ ត្រូវផ្តល់ចំពោះការវិនិយោគទាំងនោះនូវប្រព្រឹត្តកម្មដែលនៅគ្រប់ករណី អាចធានាបាននូវគ្រោះមិនកើតជាជំងឺដែលទទួលបានផ្តល់អោយចំពោះការវិនិយោគដែលធ្វើឡើង ដោយជនជាតិនៃរដ្ឋទីបី នោះឡើយ ។
- ៣- ប្រសិនបើភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមួយ បានផ្តល់អោយនូវអត្ថប្រយោជន៍ពិសេស ដល់ជនជាតិនៃរដ្ឋទីបីណាមួយ ដោយអាស្រ័យលើកិច្ចព្រមព្រៀងដែលមានស្រាប់ ឬកិច្ចព្រមព្រៀងទាពេលអនាគតក្នុងការបង្កើតនូវសហព័ន្ធអោយ សហព័ន្ធសេដ្ឋកិច្ច សហព័ន្ធបីយវត្ថុឬស្ថាប័នស្រដៀងៗគ្នានោះ ភាគីជាប់កិច្ចសន្យានោះនឹងពុំត្រូវបង្ខំអោយទទួលបានកាតព្វកិច្ចក្នុងការផ្តល់អត្ថប្រយោជន៍ដូចគ្នាខាងលើនេះ ដល់ជនជាតិ នៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀតឡើយ ។
- ៤- ខ្លឹមសារទាំងឡាយនៃមាត្រានេះ នឹងមិនអនុវត្តនឹងចំពោះករណីពន្ធដារ នៅក្នុងទឹកដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗទេ ។ ករណីខាងលើនេះ នឹងត្រូវគ្រប់គ្រងតាមរយៈសន្ធិសញ្ញា ស្តីពីការបញ្ជ្រាបរបស់ពន្ធគ្រួតគ្នា រវាងភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទាំងពីរ និង / ឬ ច្បាប់ក្នុងស្រុករបស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗ ។

មាត្រា ៤

ការដកហូត

ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយ ១ មិនអាចទាតិវិធានការណាមួយ ដើម្បីធ្វើការដកហូតទ្រព្យសម្បត្តិតាមវិធី
ជាតូចមួយកម្ម ឬស្ថិតក្រោមវិធានការដកហូតសិទ្ធិណាមួយផ្សេងទៀត ដែលមានឥទ្ធិពលស្មើគ្នាទៅនឹង
ជាតូចមួយកម្ម ឬការរឹបអូស ចំពោះការវិនិយោគរបស់ជនជាតិ នៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀតបានឡើយ
លើកលែងតែស្ថិតក្នុងលក្ខខណ្ឌដូចខាងក្រោមនេះ ៖

ក-វាសិវិធានការទាំងអស់ដែលបានចាត់ តាំងក្នុងកាលបរិច្ឆេទស្របគ្នា ដើម្បីជាផលប្រយោជន៍
សាធារណៈដោយស្របទៅតាមនីតិវិធីនៃច្បាប់

ខ-វិធានការដែលគ្មានការពិសោធន៍

គ-វិធានការទាំងអស់ត្រូវផ្សាភ្ជាប់ដោយបណ្តាប្រការ សំរេចចេញជាសំណេងយ៉ាងឆាប់រហ័ស ត្រឹម
ត្រូវ និង មានប្រសិទ្ធភាព ។

សំណងនេះត្រូវផ្អែកលើតម្លៃទីផ្សារដ៏ត្រឹមត្រូវនៃការធ្វើវិនិយោគនាមុនពេលដែលបានទទួលការប៉ះ
ពាល់ ហើយមុនពេលដែលវិធានការដកហូតនេះត្រូវបានដឹងជាសាធារណៈ ។

តម្លៃទីផ្សារនោះត្រូវបានកំណត់សមស្របទៅតាមវិធីសាស្ត្រ និង ទង្វើ ដែលមានការមូលដ្ឋាន
ជាអន្តរជាតិ ឬប្រសិនបើតម្លៃទីផ្សារមិនអាចកំណត់បានទេនោះ ការប៉ះប៉ូវនឹងត្រូវកំណត់តាមនីតិ
ប្រាក់សមស្របដែលភាគីទាំងពីរបានព្រមព្រៀងគ្នាទៅវិញទៅមក ហើយមិនប្រាក់នោះអាចផ្ទេរបាន
ដោយសេរី និង គិតជាប្រាក់ដែលអាចប្រើប្រាស់បានដោយសេរីពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យា ។

មាត្រា ៥

ការទូទាត់សងបំណែកទាំងបី

១- ជនជាតិទាំងអស់នៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយដែលធ្វើវិនិយោគ ក្នុងម៉កដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាង
ទៀត ដែលទទួលបាននូវការទាត់បង់ដោយសារតែសង្គ្រាម ឬ ជម្លោះអាវុធផ្សេងៗ បដិវត្តន៍ ឬ
ការប្រកាសប្រទេសជាតិស្ថិតក្នុងភាពអាសន្ន ការបរាជ័យ កុហកម្ម ភាពចរាចរ ទៅក្នុងម៉កដី
នៃភាគីម្ខាងទៀតដែលទទួលធ្វើវិនិយោគ និងត្រូវបានទទួលពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទោះ នូវប្រព្រឹត្តកម្មដូច
ជាការសងវិញ សំណង ការទូទាត់សង ឬ ជម្លោះស្រាយផ្សេងៗទៀត ។

- ២- ប្រព្រឹត្តកម្មនេះត្រូវបានលក្ខណៈអនុគ្រោះបិទទុកជាអ្វីដែលភាគីជាប់កិច្ចសន្យានោះ បានផ្តល់អោយជនជាតិរបស់ខ្លួន ឬ ជនជាតិ នៃរដ្ឋទី ៣ ពោលគឺផ្តល់នូវភាពអនុគ្រោះណាមួយ ដែលមានលក្ខណៈប្រសើរជាង ។

មាត្រា ៦

ការផ្ទេរ

- ១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទីមួយៗ ដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់និងបទបញ្ញត្តិរបស់ខ្លួន ត្រូវអនុញ្ញាតអោយមានការផ្ទេរដោយសេរី ដោយគ្មានការពន្យារពេលពុំសមហេតុផល នូវអ្វីដែលបានមកពីការវិនិយោគដែលធ្វើឡើងដោយជនជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ។ ការផ្ទេរនោះត្រូវរាប់បញ្ចូលជាពិសេសតែមិនកំណត់ត្រឹមខ្លឹមសារទាំងនេះឡើយ នូវ :

ក- ប្រាក់ចំណេញ ការប្រាក់ ប្រាក់ចំណេញនៃភាគហ៊ុន និង ប្រាក់ចំណូលផ្សេងៗទៀតដែលបានមកពីវិនិយោគ

ខ- មូលនិធិបំប៉ន

១) សំវត្ថុទិញនូវវត្ថុបាតុដើម ឬ សំវត្ថុរបបម្រុងបម្រុង ផលិតផលកាក់កណ្តាលសំរេច ឬផលិតផលសំរេច ឬ

២) ជំនួសទុនវិនិយោគ សំដៅទៅនឹងទុនភាពនៃដំណើរការវិនិយោគ ។

គ- មូលនិធិបន្ថែមបំប៉នសំរាប់អភិវឌ្ឍន៍ ដំណើរការវិនិយោគ ។

ឃ- មូលនិធិក្នុងការទូទាត់សង នូវប្រាក់កម្ចី ដែលទាក់ទងនឹងការវិនិយោគ ។

ង- កំរៃ ឬ កំរៃសូយសារផ្សេងៗ

ច- ចំណូលរបស់រូបវន្តបុគ្គល

ឆ- ចំណូលដែលបានមកពីការលក់ ឬ ការរំលាយវិនិយោគ

ជ- ការទូទាត់សងចំពោះការខាតបង់ ដោយអនុលោមតាមមាត្រា ៥

ឈ- ការទូទាត់សងចំពោះ ការដកហូតតាម ដោយអនុលោមតាមមាត្រា ៤

- ២- រាល់ការផ្ទេរណាមួយដែលស្ថិតក្រោមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ នឹងត្រូវអនុវត្តតាមរយៈរូបិយប័ណ្ណ ដែលងាយប្តូរបានដោយសេរី ។

អត្រាប្តូរប្រាក់ចំពោះការផ្ទេរនោះនៅក្នុងកថាខ័ណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះ និងត្រូវធ្វើ តាមអត្រាប្តូរប្រាក់
ដែលមានជាធរមាននៅពេលនោះ ។

មាត្រា ៧

ឧបទេសកម្ម

ក្នុងករណីដែលភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមួយ បានផ្តល់នូវការធានារ៉ាប់រង ឬ កិច្ចព្រមព្រៀងធានាណាមួយការពារ
ចំពោះហានិភ័យដែលមិនមែនជាលក្ខណៈបច្ចេកទេស ស្តីពីការវិនិយោគដែលបានធ្វើដោយវិនិយោគិនរបស់ខ្លួននៅលើទឹក
ដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀត ហើយមានការប្តូរទាត់ ក្រោមកិច្ចព្រមព្រៀងធានានៅអោយវិនិយោគិន
នោះ ភាគីម្ខាងទៀតត្រូវទទួលស្គាល់ការផ្ទេរសិទ្ធិដែលមានតំលៃសេដ្ឋកិច្ចរវាងវិនិយោគិននៃភាគីជាប់កិច្ច
សន្យានោះ។ ឧបទេសកម្មនឹងអាចធ្វើបាន សំរាប់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមួយ ដើម្បីទទួលយកសំណងនៃការទូ
ទាត់សង ដែលវិនិយោគិនអាចសិទ្ធិទទួលបាន។ ប៉ុន្តែឧបទេសកម្មនេះ មិនចាំបាច់ត្រូវអោយមានការទទួលស្គាល់ពី
ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាងទៀតឡើយ ស្តីពីកុណសម្បត្តិនៃករណីណាមួយ ឬ បរិមាណទឹកប្រាក់ដែលកើតចេញ
ពីការទាញទាញណាមួយ ។

ស្តីពីកម្មសិទ្ធិ ឬ បណ្តុំសិទ្ធិដែលបានមកពីភាពជាម្ចាស់នៃការវិនិយោគ ឧបទេសកម្មនឹងអាចអនុវត្តបាន
ក្រោយពេលដែលផ្អែកការផ្អែកផ្សាបំបាត់ការវិនិយោគ របស់ប្រទេសណាមួយដូចត្រូវបានបំពេញ ។

មាត្រា ៨

ជំនាញស្រាវជ្រាវនិងការអភិវឌ្ឍន៍ និង ភាគីជាប់កិច្ចសន្យា

- ១- វិវាទណាមួយដែលកើតឡើងរវាងភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ ជាមួយ ជនជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ច
សន្យាម្ខាងទៀត ដែលទាក់ទងដល់កិច្ចការវិនិយោគរបស់ខ្លួននៅលើទឹកដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាម្ខាង
ទៀតនោះនឹងត្រូវដោះស្រាយដោយមិត្តភាព តាមរយៈការពិគ្រោះយោបល់ និង ការអភិវឌ្ឍ ។
- ២- ប្រសិនបើវិវាទនោះមិនអាចដោះស្រាយបាន ក្នុងរយៈពេល៦ខែ ចាប់ពីការជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍
អក្សរពីសំណាក់ភាគីណាមួយ តាមដំណោះស្រាយជាមិត្តភាពនោះ ជំនោះនោះនឹងត្រូវបញ្ជូន



ដោយជនជាតិដែលមានកញ្ចប់ទៅតាមនីតិវិធីតុលាការនៃភាគីពាក់ព័ន្ធ ឬ ទៅមជ្ឈត្តវិនិច្ឆ័យអាជ្ញា
កណ្តាល ឬ ការសម្របសម្រួលអន្តរជាតិ ។

៣- ក្នុងករណីជំនោះត្រូវបានបញ្ជូនទៅមជ្ឈត្តវិនិច្ឆ័យ ឬ តាមការផ្សះផ្សា ជនជាតិមានសិទ្ធិដាក់បញ្ចូល
ជំនោះ ទោះទៅ ៖

(ក) មជ្ឈត្តវិនិច្ឆ័យ អន្តរជាតិ ទទួលបន្ទុកដោះស្រាយជំនោះវិនិយោគ ក្រោមអនុសញ្ញាស្តីពីជំនោះ
ស្រាយវិវាទវិនិយោគរវាងរដ្ឋ និង ជនជាតិ នៃរដ្ឋនានា ដែលបានបើកចំហការការពារកិច្ចសន្យាទៅឲ្យ
ក្រុមហ៊ុនតោនមីស៊ី កាលពីថ្ងៃទី ១៨ ខែមីនា ឆ្នាំ ១៩៦៥ សំរាប់ករណី ដែលភាគីជាប់កិច្ចសន្យា
ទាំងពីរបានចូលជាសមាជិកនៃអនុសញ្ញាចេញហើយ ឬ

(ខ) តុលាការពិសេស (AD HOC) ដែលបានរៀបចំឡើងតាមវិធាននៃច្បាប់អាជ្ញាកណ្តាល របស់គណៈ
កម្មការសហប្រជាជាតិស្តីពីច្បាប់ពាណិជ្ជកម្មអន្តរជាតិ (UNCITRAL) ។ ការសម្របសម្រួល
មជ្ឈត្តករ គឺជាការសម្របសម្រួល ហើយដែលភាគីជំនោះទាំងពីរត្រូវតែពោល ។

៤- គ្មានភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយអាចបន្តការពិភាក្សាតាមរយៈការទូរលើកករណីដែលលើកទៅកាត់ក្តី
មុននឹងមានការសម្របសម្រួលហើយពីតុលាការ ឬ ករណីតែភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយមិនបានពោល
អនុវត្តសេចក្តីសម្របសម្រួលនៃតុលាការអាជ្ញាកណ្តាល ។

មាត្រា ៩

ការដោះស្រាយជំនោះ រវាង ភាគីជាប់កិច្ចសន្យា

១- វិវាទរវាងភាគីជាប់កិច្ចសន្យាដែលទាក់ទងដល់ការបកស្រាយ ឬ ការអនុវត្តនីតិច្បាប់ចម្រៀងនេះ
ត្រូវដោះស្រាយតាមផ្លូវទូរ បើសិនធ្វើបាន ។

២- ប្រសិនបើវិវាទនោះមិនអាចដោះស្រាយបានទេនោះ ជំនោះនោះត្រូវស្នើឡើងដោយភាគីជាប់កិច្ច
សន្យាណាមួយ ទៅតុលាការអាជ្ញាកណ្តាល ។

៣- តុលាការអាជ្ញាកណ្តាលនោះត្រូវបានបង្កើតឡើងទៅតាមករណីដោយឡែកៗ តាមបែបបទដូចតទៅ៖
ក្នុងរយៈពេល២ខែ ចាប់ពីពេលទទួលបានការបញ្ជូនមក ភាគីជាប់កិច្ចសន្យានីមួយៗត្រូវតែដាក់សមា
ជិករបស់ខ្លួនថ្នាក់ទៅក្នុងតុលាការអាជ្ញាកណ្តាលនោះ ។ បន្ទាប់មកសមាជិកទាំងពីរនេះត្រូវជ្រើស
រើសជនជាតិម្នាក់នៃរដ្ឋទី៣ ដែលមានទំនាក់ទំនងផ្លូវទូរ ជាមួយភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទាំងពីរ ដោយ



មានការយល់ព្រមពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យា ដើម្បីធ្វើជាប្រធានគុណការណ៍អាជ្ញាកណ្តាល ។ ប្រធានគុណការណ៍អាជ្ញាកណ្តាលនេះ ត្រូវតែងតាំងអោយស្របក្នុងរយៈពេល ២ ខែ គិត ពីថ្ងៃ ដែលសមាជិកគុណការណ៍ទាំងពីរបានតែងតាំងរួចរាល់ ។

៤- បើក្នុងរយៈពេលដែលបានកំណត់ក្នុងកថាខ័ណ្ឌទី៣នៃមាត្រានេះ ការតែងតាំងជាតំណាងនោះមិនអាចធ្វើបាននឹងបើក្លាយកិច្ចព្រមព្រៀងដោយឡែកណាទៀតនោះ ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយអាចអញ្ជើញប្រធានគុណការណ៍ជាតិដើម្បីធ្វើការតែងតាំងជាតំណាងនោះ ។ ប្រសិនបើប្រធានគុណការណ៍នោះជាជនជាតិ នៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ ឬ មិនអាចបំពេញមុខងារនេះ ដោយប្រការណាមួយបាននោះ អនុប្រធានគុណការណ៍ត្រូវបានអញ្ជើញអោយធ្វើការតែងតាំងនេះ ។ ប្រសិនបើអនុប្រធាននោះគឺជាជនជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ ឬ មិនអាចបំពេញកិច្ចការ ខាងលើបានទៀតដែរនោះ សមាជិករវាងគុណការណ៍ត្រូវតែងតាំងមុនជាតិ ដែលមានឋានៈបន្ទាប់ តែមិនមែនជាជន ជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយឡើយ ត្រូវបានអញ្ជើញអោយធ្វើការតែងតាំងនេះ ។

៥- គុណការណ៍អាជ្ញាកណ្តាល ត្រូវកំណត់នូវវិធីការងារសំរាប់ដំណើរការរបស់ខ្លួន និង ត្រូវធ្វើការសំរេចក្តីដោយការបោះឆ្នោតយកសំឡេងភាគច្រើន ។ ការសំរេចក្តី នោះត្រូវមានប្រសិទ្ធិភាពអនុវត្តសំរាប់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទាំងពីរ ។

៦- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយត្រូវទទួលរ៉ាប់រងចេញនូវសេចក្តីយល់ព្រមសំរាប់សមាជិកអាជ្ញាកណ្តាលរបស់ខ្លួន និង សំរាប់អ្នកតំណាងរបស់ខ្លួនក្នុងដំណើរការដំណោះស្រាយវិវាទរបស់អាជ្ញាកណ្តាល ។ តម្លៃចំណាយទៅលើប្រធានគុណការណ៍អាជ្ញាកណ្តាល និងចំណាយដែលនៅសេសសល់ទៀត គឺជាបន្ទុកដែលភាគីទាំងពីរត្រូវទទួលចំណាយដោយស្មើគ្នា ។ ប៉ុន្តែគុណការណ៍អាចធ្វើការសំរេចក្តីអោយភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយចេញចំណាយខ្ពស់ជាងភាគីម្ខាងទៀត ។ ការសំរេចក្តីរបស់គុណការណ៍គឺជាការសំរេចចុងក្រោយដែលភាគីទាំងពីរត្រូវតែអនុវត្ត ។

ឃ.ឃ

៥

មាត្រា ១០

វិសោធនកម្មច្បាប់ដំបូង នៃ កិច្ចព្រមព្រៀង

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចវិសោធនកម្មគ្រប់ដំណាច់ចំពោះការវិនិយោគនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយដែលធ្វើ និង បានទទួលស្គាល់នៅលើទឹកដីនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ ដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់ និង បទបញ្ញត្តិ ដែលទាក់ទងនឹង វិនិយោគបរទេស ឬ បណ្តាញរ៉ែដែលបានធ្វើវិសោធនកម្ម ឬជំនួស ច្បាប់នោះ ប៉ុន្តែមិន អាចអនុវត្តចំពោះរាល់ជំនាញ ការស៊ីវិល និង ទំនាស់ផ្សេងៗទៀត ដែលបានកើតឡើងមុនការចូលជាធរមាន នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះឡើយ ។

មាត្រា ១១

ការអនុវត្តតំបន់បណ្តាញការផ្សេងៗទៀត

ប្រសិនបើបណ្តាញនៃច្បាប់របស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយឬកាតព្វកិច្ចនៃច្បាប់អន្តរជាតិដែលបានបង្កើត នាពេលបច្ចុប្បន្នឬបានបង្កើតឡើងក្រោយអករវាងភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទាំងពីរ ដើម្បីបំពេញបន្ថែមលើកិច្ចព្រម ព្រៀងបច្ចុប្បន្ន ហើយបានចែងនូវបទបញ្ញត្តិមានលក្ខណៈទូទៅ ឬពិសេស សំរាប់ការងារវិនិយោគរបស់ខ្លួន ជាតិនៃភាគីជាប់កិច្ចសន្យាផ្សេងទៀតនូវប្រព្រឹត្តកម្ម ដែលមានអំណោយផលជាមធ្យម ដែលបានផ្តល់ដោយកិច្ច ព្រមព្រៀងបច្ចុប្បន្ន បទបញ្ញត្តិនោះត្រូវតែផ្តល់ភាពអំណោយផលជាបន្ថែមសំរាប់កិច្ចព្រមព្រៀងបច្ចុប្បន្ននេះ ដែរ ។

មាត្រា ១២

ការពិនិត្យយោបល់ និង ការធ្វើវិសោធនកម្ម

- ១- ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាមីមួយ ១ អាចស្នើអោយមានការជួបពិគ្រោះយោបល់លើរាល់បញ្ហាដែលទាក់ទង នឹង កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។ ភាគីម្ខាងទៀតត្រូវផ្តល់ការយកចិត្តទុកដាក់ចំពោះសំណើនេះ ហើយត្រូវផ្តល់ពេលវេលា គ្រប់គ្រាន់ សំរាប់ការពិគ្រោះយោបល់ ។
- ២- កិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចធ្វើវិសោធនកម្មត្រង់ពេលវេលា បើសិនជាមានការចាំបាច់ ដោយមានការយល់ ព្រមពីភាគីជាប់កិច្ចសន្យាទាំងពីរ ។



មាត្រា ១៣

ការចូលជាធរមាន នៃចេតនា និង ការបញ្ចប់

- ១- កិច្ចព្រមព្រៀងនេះនឹងចូលជាធរមាននៅថ្ងៃទីមួយ ខែវិច្ឆិកា បន្ទាប់ពីការជូនដំណឹងតាមក្រោយ ជាលាយលក្ខណ៍អក្សររបស់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាតាមរយៈផ្លូវនេះ ដល់ការផ្ញើក្បាច់ក្នុងប្រទេស សំរាប់ការចូលជាធរមាន នៃកិច្ចព្រមព្រៀងត្រូវបានចេញច្បាប់ហើយ ។
- ២- កិច្ចព្រមព្រៀងនេះមានសុពលភាពអនុវត្តរយៈពេលដប់ (១០) ឆ្នាំ ហើយត្រូវបានបន្តមានសុពល ភាពបន្ថែមទៀតរហូតដល់ភាគីជាប់កិច្ចសន្យាណាមួយ បានជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរទៅភាគី ជាប់កិច្ចសន្យាទៀតនូវគោលបំណងចាត់បញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។ លេខដំណើរការ គឺការ បញ្ចប់នេះ នឹង ចាប់ចូលជាធរមានរយៈពេលមួយឆ្នាំក្រោយថ្ងៃជូនដំណឹង ។
- ៣- ចំពោះការវិនិយោគដែលបានធ្វើមុនថ្ងៃ ដែលការជូនដំណឹងពីការបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងចូលជាធរមាន បណ្តឹងសារនៃមាត្រា ១ ដល់១២ ត្រូវស្ថិតនៅជាធរមានបន្តសំរាប់រយៈពេលដប់ (១០) ឆ្នាំទៀត ដោយចាប់តាំងពីថ្ងៃបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

ដើម្បីជាភស្តុតាងនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ អ្នកតំណាងប្រធានរបស់រដ្ឋាភិបាលកម្ពុជាបានចុះហត្ថលេខា និង ត្រូវមានសិទ្ធិប្រាប់គ្នាទៅវិញទៅហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះធ្វើឡើងចំនួន ២ ច្បាប់នៅ ភ្នំពេញថ្ងៃទី ២៦ ខែ វិច្ឆិកា ឆ្នាំ ២០០១ ភាសាវៀតណាម ជាភាសាខ្មែរ និង ភាសាអង់គ្លេស អត្ថបទទាំងអស់នេះមានតម្លៃស្មើគ្នា ។ ក្នុងករណី មានការបកស្រាយមិនស្របគ្នា គោរពអត្ថបទជាភាសាអង់គ្លេស ត្រូវបានយកមកធ្វើជាសំអាង ។

តំណាងរដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋកម្ពុជា

រដ្ឋមន្ត្រី



ឈុយ ខ្លាចឆឹក

អនុរដ្ឋលេខាធិការនៃនគរបាលជាតិ

តំណាងរដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋកម្ពុជា



ប្រសិទ្ធ

រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម

អនុប្រធាន គ្រូបង្វែរការងារស្តីពីសេដ្ឋកិច្ច

44

